

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Hợp phần 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Thực hiện Công văn số 1734/BDTTG-VPQGDTMN ngày 19/6/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về phối hợp cung cấp thông tin phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 tại địa phương; UBND tỉnh Gia Lai báo cáo tình hình triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÌNH HÌNH ĐỊA PHƯƠNG

1. Điều kiện tự nhiên

Tỉnh Gia Lai có tổng diện tích tự nhiên 21.576,53 km², với 134 km đường bờ biển, 80,485 km đường biên giới tiếp giáp. Tỉnh tiếp giáp với các tỉnh Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Biển đông và nước bạn Vương quốc Cam-pu-chia. Tỉnh có 135 đơn vị hành chính cấp xã (110 xã, 25 phường); có 47 thành phần dân tộc¹, dân số khoảng 3.417.368 người, trong đó dân tộc thiểu số 819.388 người, chiếm khoảng 23,98% dân số toàn tỉnh (Jrai 14,86%, Bahnar 6,82%, Nùng 0,42%, các dân tộc thiểu số khác chiếm 1,88%). Các dân tộc thiểu số cư trú đều khắp các địa bàn trong tỉnh; mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán, lễ hội riêng rất phong phú, đa dạng, tạo nên tính thống nhất trong nền văn hóa tại địa phương. Theo kết quả phân định khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh có 93 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó số xã khu vực I: 07 xã, xã khu vực II: 13 xã, xã khu vực III: 73 xã và 608 thôn, làng đặc biệt khó khăn². Theo kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2025, toàn tỉnh có 18.567 hộ nghèo, chiếm 2,18% tổng số hộ dân. Trong đó, hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số có 15.179 hộ, chiếm 8,37% tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số toàn tỉnh; Số hộ cận nghèo là 38.967 hộ, chiếm 4,57% tổng số hộ dân; trong đó, hộ cận nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số có 26.687 hộ, chiếm 14,71% tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số toàn tỉnh.

¹ Theo niên giám thống kê điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số cung bố ngày 01/4/2019.

² Theo Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030.

2. Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội

Tình hình sản xuất và đời sống vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định; đồng bào DTTS đã từng bước áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào lĩnh vực sản xuất để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống. Các địa phương tập trung giải quyết những vấn đề khó khăn cho đồng bào DTTS như: Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ hộ nghèo phát triển sản xuất, xây dựng nhà ở, hỗ trợ nước sinh hoạt; sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư... Bên cạnh đó, các địa phương đã chỉ đạo, định hướng cho người dân tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, đảm bảo an ninh lương thực, tăng cường công tác khuyến nông. Các chương trình mục tiêu quốc gia như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 đã được triển khai tích cực và đem lại nhiều kết quả quan trọng, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống của người dân vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh.

3. Về văn hóa, xã hội

Trong những năm qua, thực hiện đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, đời sống vùng đồng bào DTTS đã có nhiều khởi sắc và đạt được nhiều thành tựu rất đáng khích lệ, điều này đã tạo ra những thuận lợi tác động đến quá trình xây dựng và phát triển văn hóa vùng DTTS trên địa bàn tỉnh. Hạ tầng văn hóa được đầu tư mạnh mẽ, các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên và ngày càng phong phú, đa dạng cả về nội dung và hình thức, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống ngày càng được chú trọng. Nhìn chung, các nội dung thực hiện các chính sách dân tộc, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, thiết thực và hiệu quả; công tác khôi phục, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào được quan tâm thông qua việc hỗ trợ hoạt động đội văn nghệ truyền thống được thành lập tại các thôn, làng; đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao tại các nhà văn hóa, khu thể thao thôn, làng vùng đồng bào DTTS, tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống gắn với phát triển du lịch, tổ chức tập huấn truyền dạy di sản văn hoá truyền thống... góp phần nâng cao đời sống văn hóa cho người dân ở địa phương.

4. Về giáo dục, đào tạo

Trong thời gian qua tỉnh đã tập trung đầu tư phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) để nâng cao chất lượng dạy học, tạo nguồn nhân lực tại chỗ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở các vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào DTTS của tỉnh. Ngành Giáo dục luôn xác định hệ thống trường PTDTNT và PTDTBT có tầm quan trọng đặc biệt của lĩnh vực Giáo dục dân tộc, vì thế việc quan tâm tích cực đến công tác củng cố, phát triển và xây dựng hệ thống trường PTDTNT, PTDTBT là vấn đề quan trọng của các cấp ủy Đảng, chính quyền của tỉnh. Bên cạnh đó ngành Giáo dục và Đào tạo của tỉnh đã tham mưu nhiều chính sách, giải pháp, biện pháp hỗ trợ khác nhau đối với vùng đồng bào DTTS như miễn học phí cho trẻ em

trường công cấp, hỗ trợ học phí đối với trẻ em ở các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập; hỗ trợ trẻ từ 03-05 tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non có cha mẹ thường trú các xã vùng núi cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới, xã thuộc vùng khó khăn và một số chính sách hỗ trợ khác... kiên quyết không để học sinh bỏ học, bảo đảm huy động hết trẻ trong độ tuổi vào học tiểu học tại địa bàn, tạo mọi điều kiện, cơ hội cho học sinh dân tộc thiểu số, trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được đi học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

5. Về y tế, chăm sóc sức khỏe

Trong thời gian qua, công tác dân tộc nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trong lĩnh vực y tế như: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em,... đã đạt được những kết quả quan trọng và đáng ghi nhận. Chương trình đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, liên tục và kịp thời từ Bộ Y tế, các cấp ủy, chính quyền địa phương và sự quan tâm phối hợp của các sở, ngành có liên quan; đồng thời nhận được sự hỗ trợ từ nhiều dự án của UNFPA, Vingroup... Các hoạt động được triển khai đồng bộ, bám sát mục tiêu đề ra, tạo ra sự chuyển biến tích cực và rõ nét trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là tại các xã khu vực III. Các xã vùng đặc biệt khó khăn, các thôn, làng vùng biên giới được ưu tiên trong xây dựng trạm y tế, đường giao thông, điện, nước sinh hoạt hợp vệ sinh,...

6. Về an ninh, chính trị

Trong thời gian qua, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số được giữ vững; đồng bào các dân tộc luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ngày càng được tăng cường. Lực lượng công an chính quy tại các xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền vận động đồng bào DTTS chấp hành tốt pháp luật, tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương nắm chắc tình hình, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, đấu tranh kiềm chế, không để xảy ra tình hình phức tạp về an ninh chính trị ở vùng DTTS&MN.

7. Phạm vi thực hiện Chương trình

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 135 xã, phường (*110 xã, 25 phường*); có 2.693 thôn, làng, tổ dân phố.
- Số xã vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh 93 xã (*xã khu vực I: 7 xã, xã khu vực II: 13 xã, xã khu vực III: 73 xã*).
- Số thôn vùng đồng bào DTTS&MN 1.748 thôn (số thôn đặc biệt khó khăn 608 thôn).

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Công tác xây dựng, ban hành văn bản triển khai thực hiện Chương trình

Để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 (Chương trình) trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo Chương trình đã tập trung xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, tạo cơ sở pháp lý và định hướng tổ chức thực hiện đồng bộ trên địa bàn tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành: (1) Nghị quyết số 72/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (2) Nghị quyết số 74/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 về quy định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản: (1) Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về phê duyệt danh sách thôn vùng đồng DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030; (2) Công văn số 2050/UBND-NC ngày 23/02/2026 về phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (3) Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 01/4/2026 về thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (4) Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 01/5/2026 về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn khác liên quan đến Chương trình;

Ban Chỉ đạo Chương trình đã ban hành các văn bản: Quyết định số 105/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 11/6/2026 về ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2026 của Ban Chỉ đạo Chương trình giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 338/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026 về thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Các sở, ngành liên quan: Đã ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình theo kế hoạch đề ra. Nhìn chung, công tác xây dựng và ban hành văn bản triển khai Chương trình được thực hiện kịp thời, bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp, các ngành và địa phương tổ chức thực hiện Chương trình thống nhất, đồng bộ ngay từ đầu giai đoạn 2026 - 2030.

2. Công tác truyền thông, tăng cường năng lực quản lý, thực hiện nội dung, hoạt động của Chương trình

Công tác truyền thông và nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình được các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh quan tâm triển khai ngay từ đầu giai đoạn nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức,

viên chức và Nhân dân trong quá trình thực hiện Chương trình. Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương như: tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ngành; hệ thống truyền thanh cơ sở; thông qua các hội nghị, hội thảo, sinh hoạt cộng đồng, các cuộc họp thôn, làng, tổ dân phố và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội. Nội dung tuyên truyền tập trung phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, cơ chế, chính sách của Chương trình góp phần tạo sự đồng thuận và phát huy vai trò chủ thể của người dân trong quá trình triển khai thực hiện.

Các sở, ngành và địa phương đã chú trọng tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia quản lý, điều hành và thực hiện Chương trình ở các cấp, nhất là cấp xã và thôn, làng. Nội dung tập trung vào công tác lập kế hoạch, quản lý đầu tư công, quản lý tài chính, tổ chức thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình; công tác giám sát, đánh giá, báo cáo và giải ngân nguồn vốn theo quy định. Công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chương trình được tăng cường; các cơ quan chủ trì Chương trình thường xuyên phối hợp với địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Qua đó, năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình của đội ngũ cán bộ các cấp từng bước được nâng cao, góp phần bảo đảm tiến độ và chất lượng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

3. Việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư, quản lý NSNN, năng lực quản lý dự án trong thực hiện Chương trình

Công tác lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp được thực hiện công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương. Việc lựa chọn danh mục dự án, công trình đầu tư được thực hiện trên cơ sở nhu cầu thực tiễn của địa phương, ưu tiên các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN; bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình. Các sở, ban ngành đã tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý Chương trình ở cấp xã, thường xuyên phối hợp kiểm tra và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

4. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá Chương trình trên địa bàn; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định

Tỉnh đã quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá nhằm bảo đảm việc triển khai Chương trình đúng mục tiêu, đối tượng, địa bàn và phù hợp với nhu cầu thực tiễn của từng địa phương. Các sở, ngành và địa phương đã tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội, kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn trước; xác định nhu cầu đầu tư, mức độ thiếu hụt về hạ tầng thiết yếu, sinh kế, dịch vụ xã hội cơ bản, nhu cầu hỗ trợ sản xuất và nâng cao đời sống của người dân, nhất là tại vùng đồng bào DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn.

Công tác kiểm tra, đánh giá tập trung vào việc xác định tính cần thiết, sự phù hợp của các danh mục dự án, tiểu dự án với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế

- xã hội của tỉnh và địa phương; đánh giá khả năng huy động, cân đối nguồn lực; năng lực tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ; đồng thời rà soát các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong giai đoạn trước để đề xuất giải pháp khắc phục trong giai đoạn 2026 - 2030. Việc xây dựng danh mục dự án đầu tư được thực hiện trên cơ sở tổng hợp nhu cầu từ cơ sở, bảo đảm nguyên tắc công khai, dân chủ, có sự tham gia của cộng đồng dân cư và các đối tượng thụ hưởng. Các cơ quan chuyên môn đã tổ chức thẩm định, đánh giá mức độ ưu tiên của từng dự án, bảo đảm tập trung nguồn lực cho các địa bàn đặc biệt khó khăn, các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn và các khu vực có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao.

Cùng với đó, chế độ thông tin, báo cáo được các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định. Các báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất được tổng hợp, gửi đầy đủ, kịp thời đến cơ quan quản lý cấp trên; phản ánh tương đối toàn diện tình hình triển khai thực hiện, những tồn tại, hạn chế và kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện Chương trình trong thời gian tới.

III. KẾ HOẠCH VỐN NSNN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Về dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030

- Tổng kinh phí giai đoạn 2026-2030: 9.836.069 triệu đồng, trong đó:
- + Ngân sách Trung ương: 4.371.586 triệu đồng
- + Ngân sách địa phương: 5.464.483 triệu đồng

(Có Phụ lục I kèm theo)

2. Về dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2026

- Tổng kinh phí năm 2026: 901.485 triệu đồng, trong đó:
- + Ngân sách Trung ương: 400.660 triệu đồng
- + Ngân sách địa phương: 500.825 triệu đồng

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu theo Chương trình 1719 giai đoạn 2021-2025

- Tổng số mục tiêu, chỉ tiêu theo Kế hoạch thực hiện Chương trình 1719 của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 là 27 chỉ tiêu, trong đó:

- + Số mục tiêu, chỉ tiêu đã hoàn thành: 20 chỉ tiêu;
- + Số mục tiêu, chỉ tiêu đang triển khai, chưa hoàn thành: 06 chỉ tiêu;

+ Số mục tiêu, chỉ tiêu chưa xác định được: 01 chỉ tiêu *(do theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo, trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và báo cáo chỉ tiêu thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số thuộc Tổng cục Thống kê và Ủy ban Dân tộc; nguồn số liệu được xác định từ Điều tra 53 dân tộc thiểu số và Khảo sát mức sống dân cư. Tuy nhiên, đến nay địa phương chưa được cung cấp kết quả Điều tra 53 dân tộc thiểu số năm 2024, trong đó có nội dung về chỉ tiêu thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số).*

- Một số chỉ tiêu không đạt theo kế hoạch, nguyên nhân cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: Không đạt do số lượng xã đặc biệt khó khăn của tỉnh tăng từ 65 xã năm 2021 lên 73 xã năm 2026. Nguyên nhân chủ yếu là do áp dụng tiêu chí phân định mới theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ, dẫn đến việc một số xã được bổ sung vào danh sách địa bàn đặc biệt khó khăn.

+ Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố: Không đạt do nguồn lực đầu tư còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế; kinh phí bố trí cho lĩnh vực này còn thiếu, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai xây dựng.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: Không đạt do nhận thức, kiến thức chăm sóc dinh dưỡng của một bộ phận bà mẹ là người đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế; điều kiện kinh tế của nhiều hộ gia đình còn khó khăn, chưa bảo đảm chế độ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ.

+ Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp: Không đạt do một bộ phận lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số chưa có nhu cầu tham gia đào tạo nghề, còn có tâm lý ngại học nghề, chủ yếu lựa chọn lao động tự do, dẫn đến tỷ lệ tham gia đào tạo nghề còn thấp.

+ Tỷ lệ giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số: Không đạt do nhiều địa phương không còn quỹ đất để bố trí; đồng thời, phần lớn các hộ thụ hưởng là hộ nghèo, điều kiện kinh tế khó khăn, không có khả năng đối ứng thêm kinh phí ngoài phần hỗ trợ của Nhà nước, nên việc triển khai chính sách gặp nhiều khó khăn.

(Có Phụ lục II kèm theo)

2. Rà soát việc thực hiện chỉ tiêu của Chương trình trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030

Tổng số chỉ tiêu của Chương trình giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là 27 chỉ tiêu. Để đến năm 2030 hoàn thành các chỉ tiêu trên, tỉnh sẽ tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu và hiệu quả quản lý nhà nước. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp thực tiễn; đẩy mạnh phân cấp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Ưu tiên huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư. Đồng thời, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, hỗ trợ sinh kế bền vững; chú trọng đào tạo nghề, giải quyết việc làm phù hợp. Tập trung đầu tư hạ tầng thiết yếu; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường tuyên truyền, thay đổi nhận thức, phát huy vai trò chủ thể của người dân. Tăng cường kiểm tra, giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý; kịp thời nhân rộng mô hình hiệu quả, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện.

(Có Phụ lục III kèm theo)

V. KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐƯỢC KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN SANG NĂM 2026

1. Tổng kinh phí đề xuất kéo dài, chuyển nguồn thực hiện sang năm 2026: **587.823** triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 148.422 triệu đồng;
- Vốn sự nghiệp: 439.401 triệu đồng.

2. Số kinh phí không còn nhu cầu sử dụng, hoàn trả ngân sách trung ương: **0** triệu đồng.

3. Số kinh phí đề nghị chuyển nguồn sang năm 2026 đã làm thủ tục tại KBNN theo quy định: **587.823** triệu đồng, trong đó:

- + Vốn đầu tư phát triển: 148.422 triệu đồng;
- + Vốn sự nghiệp: 439.401 triệu đồng.

4. Kết quả giải ngân kinh phí được kéo dài sang thực hiện năm 2026 (tính đến 31/5/2026): **67.820** triệu đồng, trong đó:

- + Vốn đầu tư phát triển: 47.077 triệu đồng;
- + Vốn sự nghiệp: 20.743 triệu đồng.

(Có Phụ lục IV kèm theo)

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Được sự quan tâm của Trung ương, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát của HĐND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ngành, địa phương và sự đồng thuận, hưởng ứng của đồng bào các dân tộc thiểu số, các chương trình, dự án, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh đã được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định, từng bước phát huy hiệu quả. Qua đó, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; giảm dần khoảng cách phát triển giữa các vùng; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Các nguồn lực đầu tư từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN cùng các chương trình, chính sách liên quan đã tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS&MN. Hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu từng bước được đầu tư đồng bộ, góp phần tạo thuận lợi cho việc đi lại, học tập, chăm sóc sức khỏe và phát triển sản xuất của người dân. Nhu cầu thiết yếu của đồng bào được giải quyết như hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, chuyển đổi nghề, phát triển sinh kế, sắp xếp ổn định dân cư và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

Công tác kiểm tra, giám sát, nắm bắt tình hình thực hiện chính sách dân tộc tại cơ sở được các sở, ngành của tỉnh triển khai thường xuyên; qua đó kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình.

Nhìn chung, các chương trình, dự án, chính sách dân tộc đã tác động tích cực và toàn diện đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; góp phần giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, làm thay đổi diện mạo nông thôn miền núi, đặc biệt tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn; đồng thời khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, tinh thần vươn lên phát triển kinh tế của đồng bào, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo đảm ổn định chính trị và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

2. Những tồn tại, hạn chế

Mặc dù công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giảm đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, tuy nhiên tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào DTTS&MN vẫn còn ở mức cao so với mặt bằng chung của tỉnh. Tình trạng tái nghèo, phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo do tác động của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và các rủi ro trong cuộc sống như ốm đau, bệnh tật kéo dài vẫn còn xảy ra ở một số địa phương.

Thu nhập và đời sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo từng bước được cải thiện, song vẫn còn thấp so với mức bình quân chung của tỉnh; kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững. Khoảng cách phát triển và mức sống giữa khu vực miền núi với đồng bằng, giữa nông thôn với đô thị, giữa đồng bào DTTS với dân cư khu vực khác vẫn còn khá lớn. Mặc dù các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin truyền thông đã được quan tâm đầu tư, hỗ trợ nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế của người dân ở một số địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Hiện nay, một số bộ, ngành Trung ương chưa ban hành đầy đủ các văn bản, thông tư hướng dẫn thực hiện đối với những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý được giao phụ trách. Do đó, các địa phương gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, nhất là trong việc xác định nhiệm vụ, đối tượng, cơ chế hỗ trợ và tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần.

Bên cạnh đó, đến nay nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 chưa được Trung ương phân bổ cho các địa phương, dẫn đến nhiều nội dung, nhiệm vụ chưa thể triển khai theo kế hoạch đề ra. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình, đồng thời gây khó khăn cho công tác giải ngân vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp, tiềm ẩn nguy cơ không hoàn thành mục tiêu giải ngân đạt 100% kế hoạch trong năm theo yêu cầu.

VII. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương sớm hoàn thành việc giao và phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030, trong đó có kế hoạch vốn năm 2026, để các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án và bảo đảm tiến độ giải ngân theo quy định.

Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương khẩn trương ban hành đầy đủ các thông tư, văn bản hướng dẫn thực hiện đối với các nội dung thuộc lĩnh vực được phân công quản lý trong Chương trình giai đoạn 2026-2030, tạo cơ sở pháp lý thống nhất để các địa phương triển khai thực hiện. Trong đó, cần sớm hướng dẫn cụ thể về đối tượng thụ hưởng, nội dung hỗ trợ, cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần, công tác lồng ghép nguồn lực, theo dõi, kiểm tra, đánh giá và thanh quyết toán kinh phí nhằm bảo đảm thuận lợi trong quá trình triển khai tại cơ sở.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Hợp phần 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Dân tộc và Tôn giáo để theo dõi, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Dương Mah Tiệp;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C4.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp